

*

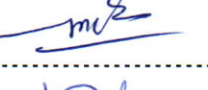
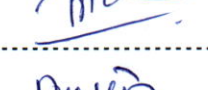
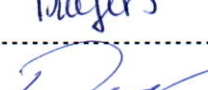
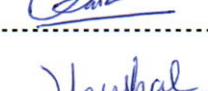
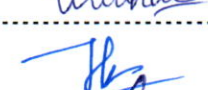
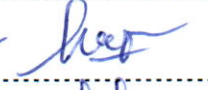
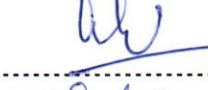
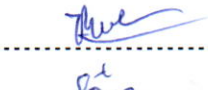
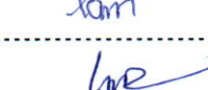
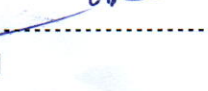
**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,
HỆ TẬP TRUNG A54A, KHOÁ HỌC 2024-2025**

DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC

B.II Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam

Ngày thi: 26/.8./2024; Thời gian làm bài: 180.. phút;

Phòng thi: Số 05.

SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	Phạm Huy	Bình	26/12/1991	02		8	75	Kiểm 1 năm
2	Lê Trọng	Cảnh	28/8/1992	02		22	80	Tam
3	Hoàng Thị Minh	Châu	06/5/1992	02		21	85	Tam, 1 năm
4	Trần Thị Diễm	Chi	30/7/1981	02		6	75	Kiểm 1 năm
5	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	20/8/1991	02		48	80	Tam
6	Lê Thị Hoàng	Duyên	08/4/1983	02		9	75	Kiểm 1 năm
7	Nguyễn Thanh	Dương	14/3/1991	02		47	90	Chấp
8	Ninh Tiến	Đạt	30/11/1994	02		11	80	Tam
9	Võ Thị Thu	Hà	18/10/1984	02		25	75	Kiểm 1 năm
10	Nguyễn Phúc	Hải	23/02/1988	02		7	85	Tam, 1 năm
11	Mai Văn	Hạnh	03/8/1981	02		42	75	Kiểm 1 năm
12	Nguyễn Đức	Hạnh	15/01/1991	02		41	75	Kiểm 1 năm
13	Đào Sỹ	Hiệp	18/5/1987	02		19	85	Tam, 1 năm
14	Lưu Văn	Khoa	27/8/1978	02		1	75	Kiểm 1 năm
15	Đặng Thị Thu	Kiều	21/05/1987	02		38	80	Tam
16	Hoàng Hữu	Kỷ	18/10/1990	02		13	85	Tam, 1 năm
17	Phạm Thị	Lanh	05/9/1991	02		45	80	Tam
18	Hoàng Văn	Lâm	14/9/1993	02		49	80	Tam
19	Nguyễn Thị	Liên	18/11/1983	02		37	80	Tam



SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
20	Trần Văn	Lợi	01/03/1985	02		32	75	Đầy, năm
21	Trần Đình	Lực	01/5/1988	02		23	75	Đầy, năm
22	Trần Thị	Mai	13/7/1986	03		51	90	Chín
23	Nguyễn Thái	Nam	07/6/1988	02		15	75	Đầy, năm
24	Nguyễn Thanh	Nam	20/10/1974	02		28	75	Đầy, năm
25	Nguyễn Thị	Ngọc	02/01/1988	03		53	85	Tám, năm
26	Nguyễn Tây	Nguyên	11/6/1985	02		2	75	Đầy, năm
27	Châu Thị Huyền	Nhung	20/12/1989	02		29	90	Chín
28	H Thâm	Niê	20/10/1985	02		31	80	Tám
29	Y Rô Quy	Niê	05/05/1994	02		33	80	Tám
30	Nguyễn Thị	Oanh	26/10/1980	02		12	75	Đầy, năm
31	Trần Thị Kim	Oanh	08/3/1987	02		39	80	Tám
32	Giàng Seo	Quang	15/7/1995	02		10	80	Tám
33	Lê Chí	Quyết	30/01/1993	02		5	85	Tám, năm
34	Ksor Y	Sinh	14/10/1986	02		40	75	Đầy, năm
35	Trương Quang	Thái	12/10/1992	02		4	75	Đầy, năm
36	Phan Long	Thành	21/6/1992	03		50	85	Tám, năm
37	Lê Văn	Thân	10/8/1990	03		43	80	Tám
38	Lý Tài	Thi	25/11/1980	02		46	85	Tám, năm
39	Nguyễn Thị	Thi	05/6/1992	02		16	80	Tám
40	Lê Thị	Thôn	26/10/1986	03		52	80	Tám
41	Nguyễn Văn	Thông	12/9/1989	01		35	70	Đầy
42	Trần Thị Lệ	Thủy	22/10/1991	02		14	80	Tám
43	Nguyễn Thị	Thư	15/3/1983	03		34	85	Tám, năm
44	Huỳnh Thanh	Toàn	24/01/1987	02		24	75	Đầy, năm



SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ TỜ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
45	Dương Thị Minh Trang	06/01/1991	02		44	80	Tám
46	Trần Thị Thuý	30/6/1999	02		26	85	Bảy, năm
47	Nguyễn Thị Tú	15/9/1979	02		30	85	Tám, năm
48	Lương Đăng Anh	08/12/1992	02		27	85	Bảy, năm
49	Cao Thị Thành	25/5/1980	03		36	85	Tám, bảy năm
50	Phạm Ngọc Hải	18/11/1991	02		20	80	Tám

Tổng số học viên theo danh sách:.....50.....học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi:.....0.....học viên (lý do.....)

Số học viên đủ điều kiện thi:.....50.....học viên;

Số học viên vắng thi:.....0.....học viên; trong đó: có lý do:..... học viên; không có lý do:.....học viên;

Số bài thi hiện có:.....50.....bài/.....120.....tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

Nguyễn Thị Dung

Ngày 4...tháng 8...năm 2024

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Phạm Văn Dũng

TRƯỞNG KHOA

CÁN BỘ COI THI 02

Phạm Thị Minh Tinh

Ngày 30...tháng 8...năm 2024

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Trần Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

TS. Lê Duyên Hà



Nguyễn Thành Dũng